|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2021/QĐ-UBND | *Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2021* |

***Dự thảo lần 2***

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

 *Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

 *Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

 *Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

 *Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;*

 *Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;*

 *Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;*

 *Căn cứ Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;*

 *Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tỉnh tại Tờ trình số……./TTr-SYT ngày …… tháng …… năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

 **Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

 Ký hiệu: QCĐP ….:2021/TT-H

 **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực từ ngày …. tháng …. năm 2021.

 **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên – Môi trường, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Bộ Y tế;- Bộ Khoa học và Công nghệ;- Cục Quản lý môi trường y tế;- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;- Văn phòng TBT Việt Nam;- CT và các PCT UBND tỉnh;- CVP, các PCVP và CV Văn phòng UBND tỉnh;- Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, MP, TP;- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;- Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố;- Công ty Cổ phần cấp nước Thừa Thiên Huế;- Cổng TTĐT UBND tỉnh;- Công báo tỉnh;- Lưu: VT, VX. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCH** |
|  |  |
| http://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/6/66/Vietnam_coa.gifCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**QCĐP ....:2021/TT-H****QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG****VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ*****Local technical regulation on Domestic Water Quality******in Thua Thien Hue Province*****DỰ THẢO LẦN 02****THỪA THIÊN HUẾ-2021** |

# Lời nói đầu:

 QCĐP ….:2021/TT-H do Ban soạn thảo xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế biên soạn trên cơ sở quy định giao quyền tại QCVN 01-1:2018/BYT, Sở Khoa học và Công nghệ trình duyệt, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành theo Quyết định số ...../2021/QĐ-UBND ngày …. tháng …. năm 2021.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG**

**VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

 **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

 Quy chuẩn này quy định mức giới hạn các thông số chất lượng đối với nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

 **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

 1. Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn, bán lẻ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh (sau đây gọi tắt là đơn vị cấp nước); các cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch; các phòng thử nghiệm và tổ chức chứng nhận các thông số chất lượng nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

 2. Quy chuẩn này không áp dụng đối với nước uống trực tiếp tại vòi, nước đóng bình, đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng bình, đóng chai, nước sản xuất ra từ các bình lọc nước, hệ thống lọc nước và các loại nước không dùng cho mục đích sinh hoạt.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT**

 **Điều 3. Danh mục các thông số chất lượng nước sạch và ngưỡng giới hạn cho phép**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thông số** | **Đơn vị tính** | **Ngưỡng giới hạn cho phép** |
|  | **Các thông số nhóm A** |
|  | ***Thông số vi sinh vật*** |
| 1 | Coliform | CFU/100 mL | <3 |
| 2 | E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt | CFU/100 mL | <1 |
|  | ***Thông số cảm quan và vô cơ*** |
| 3 | Arsenic (As)(\*) | mg/L | 0,01 |
| 4 | Clo dư tự do(\*\*) | mg/L | Trong khoảng 0,2 - 1,0 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 5 | Độ đục | NTU | 2 |
| 6 | Màu sắc | TCU | 15 |
| 7 | Mùi, vị | - | Không có mùi, vị lạ |
| 8 | pH | - | Trong khoảng 6,0-8,5 |
|  | **Các thông số nhóm B** |
|  | ***Thông số vi sinh vật*** |
| 9 | Tụ cầu vàng(Staphylococcus aureus) | CFU/ 100mL | < 1 |
| 10 | Trực khuẩn mủ xanh(Ps. Aeruginosa) | CFU/ 100mL | < 1 |
|  | ***Thông số vô cơ*** |
| 11 | Amoni (NH3 và NH4+tính theo N) | mg/L | 0,3 |
| 12 | Bari (Ba) | mg/L | 0,7 |
| 13 | Chỉ số pecmanganat | mg/L | 2 |
| 14 | Chloride (Cl-)(\*\*\*) | mg/L | 250 |
| 15 | Độ cứng, tính theo CaCO3 | mg/L | 300 |
| 16 | Fluor (F) | mg/L | 1,5 |
| 17 | Mangan (Mn) | mg/L | 0,1 |
| 18 | Natri (Na) | mg/L | 200 |
| 19 | Nhôm (Aluminium) (Al) | mg/L | 0,2 |
| 20 | Nickel (Ni) | mg/L | 0,07 |
| 21 | Nitrat (NO3- tính theo N) | mg/L | 2 |
| 22 | Nitrit (NO2- tính theo N) | mg/L | 0,05 |
| 23 | Sắt (Ferrum) (Fe) | mg/L | 0,3 |
| 24 | Sunphat | mg/L | 250 |
| 25 | Tổng chất rắn hòa tan (TDS) | mg/L | 1000 |
| 26 | Xyanua (CN) | mg/L | 0,05 |
|  | ***Thông số hữu cơ*** |
| 27 | 1,2 - Dicloroeten | µg/L | 50 |
|  | ***Thông số hóa chất bảo vệ thực vật*** |
| 28 | Chlorpyrifos | µg/L | 30 |
| 29 | Clorotoluron | µg/L | 30 |
| 30 | Cyanazine | µg/L | 0,6 |
| 31 | Hydroxyatrazine | µg/L | 200 |
|  | ***Thông số hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ*** |
| 32 | Bromodichloromethane | µg/L | 60 |
| 33 | Bromoform | µg/L | 100 |
| 34 | Chloroform | µg/L | 300 |
| 35 | Dibromochloromethane | µg/L | 100 |

 Chú thích:

 *- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.*

 *- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.*

 *- Dấu (\*\*\*) chỉ áp dụng cho vùng ven biển và hải đảo.*

 *- Dấu (-) là không có đơn vị tính.*

 *- Hai chất Nitrit và Nitrat đều có khả năng tạo methemoglobin. Do vậy, trong trường hợp hai chất này đồng thời có mặt trong nước sinh hoạt thì tổng tỷ lệ nồng độ (C) của mỗi chất so với giới hạn tối đa (GHTĐ) của chúng không được lớn hơn 1 và được tính theo công thức sau*

*Cnitrat/GHTĐnitrat + Cnitrit/GHTĐnitrit ≤ 1*

 **Điều 4. Thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch**

 1. Tất cả các thông số chất lượng nước sạch phải được thực hiện tại phòng thử nghiệm, tổ chức chứng nhận được công nhận phù hợp với TCVN ISO/IEC 17025 và đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số [107/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-107-2016-nd-cp-quy-dinh-kinh-doanh-dich-vu-danh-gia-su-phu-hop-2016-315460.aspx) ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

 2. Thông số chất lượng nước sạch nhóm A: Tất cả các đơn vị cấp nước phải phải thực hiện giám sát các thông số này theo tần suất thử nghiệm định kỳ quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này.

 3. Thông số chất lượng nước sạch nhóm B: Tất cả các đơn vị cấp nước phải phải thực hiện giám sát các thông số này theo tần suất thử nghiệm định kỳ quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này.

 4. Đơn vị cấp nước phải tiến hành thử nghiệm toàn bộ các thông số chất lượng nước sạch theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

 5. Thử nghiệm định kỳ:

 a) Tần suất thử nghiệm đối với 8 thông số chất lượng nước sạch nhóm A: 01 lần/1 tháng

 b) Tần suất thử nghiệm đối với 27 thông số chất lượng nước sạch nhóm B: 01 lần/6 tháng.

 **Điều 5. Số lượng và vị trí lấy mẫu thử nghiệm**

 1. Số lượng mẫu lấy mỗi lần thử nghiệm; Vị trí lấy mẫu theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

 2. Đối với cơ quan, đơn vị, khu chung cư, khu tập thể, bệnh viện, trường học, doanh nghiệp, khu vực có bể chứa nước tập trung theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế

 3. Trong trường hợp có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, tình hình dịch bệnh: có thể tăng số lượng mẫu nước lấy tại các vị trí khác nhau để thử nghiệm.

 **Điều 6. Phương pháp lấy mẫu, phương pháp thử**

 Phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm thông số chất lượng nước sạch được quy định tại Phụ lục 01 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

**Chương III**

**QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ**

 **Điều 7. Công bố hợp quy**

 1. Đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế phải tự công bố sản phẩm phù hợp với các quy định kỹ thuật tại Quy chuẩn này trước khi lưu thông trên thị trường.

 2. Phương thức đánh giá sự phù hợp và trình tự, thủ tục tự công bố sản phẩm đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số [28/2012/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/thong-tu-28-2012-tt-bkhcn-quy-dinh-cong-bo-hop-chuan-cong-bo-hop-quy-phuong-thuc-165233.aspx) ngày 12/12/2012 quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, Thông tư số [02/2017/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/thong-tu-02-2017-tt-bkhcn-sua-doi-thong-tu-28-2012-tt-bkhcn-cong-bo-hop-chuan-hop-quy-350642.aspx) ngày 31/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [28/2012/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/thong-tu-28-2012-tt-bkhcn-quy-dinh-cong-bo-hop-chuan-cong-bo-hop-quy-phuong-thuc-165233.aspx) ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và gửi bản tự công bố hợp quy về Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế theo Mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

 **Điều 8. Quy định về kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt**

 1. Kết quả thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 6 của Quy chuẩn này phải được đơn vị cấp nước công khai trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày có kết quả trên trang thông tin điện tử của đơn vị cấp nước theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

 2. Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh; Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố Huế có trách nhiệm kiểm tra (ngoại kiểm) việc thực hiện các quy định về đảm bảo chất lượng nước sạch của đơn vị cấp nước theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

 **Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

 1. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn triển khai và thực hiện Quy chuẩn này.

 2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố Huế có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 5 Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

 3. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 5 Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế./.